

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 14/01/2022 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 08, 09/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 183 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 08, 09/01/2022 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học trực thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT3670	Chu Văn	An	21/11/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	5.0	Đạt
2	CNTT3671	Bùi Đức	Anh	18/09/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt
3	CNTT3672	Lê Ngọc	Anh	07/10/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.0	5.0	Đạt
4	CNTT3673	Nguyễn Hữu Hoàng	Anh	22/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
5	CNTT3674	Thân Thị	Ánh	28/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.2	5.0	Đạt
6	CNTT3675	Mạc Quốc	Bảo	20/10/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6.2	5.5	Đạt
7	CNTT3676	Dương Văn	Bình	24/02/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.0	5.5	Đạt
8	CNTT3677	Mễ Phương	Chiến	20/04/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	6.0	Đạt
9	CNTT3678	Mễ Văn	Chiều	25/03/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	7.5	5.5	Đạt
10	CNTT3679	Nguyễn Thành	Công	24/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
11	CNTT3680	Nguyễn Văn	Công	08/08/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.0	5.5	Đạt
12	CNTT3681	Trần Văn	Công	12/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.2	6.0	Đạt
13	CNTT3682	Phạm Văn	Cường	16/07/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt
14	CNTT3683	Nịnh Văn	Dân	18/09/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.2	5.0	Đạt
15	CNTT3684	Lý Tiến	Dũng	06/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.5	6.0	Đạt
16	CNTT3685	Vi Văn	Dũng	25/03/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	5.0	Đạt
17	CNTT3686	Hoàng Quốc	Duy	15/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
18	CNTT3687	Nông Văn	Duy	15/03/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.5	5.5	Đạt
19	CNTT3688	Nguyễn Thị	Duyên	26/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	7.7	5.0	Đạt
20	CNTT3689	Lộc Văn	Dực	02/03/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.5	6.0	Đạt
21	CNTT3690	Hoàng Bình	Dương	13/07/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt
22	CNTT3691	Trần Mạnh	Dương	20/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	5.0	Đạt
23	CNTT3692	Nguyễn Văn	Dưỡng	21/06/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	6.2	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
24	CNTT3693	Trương Văn	Đảng	09/07/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.2	5.0	Đạt
25	CNTT3694	Phùng Thị	Đạo	04/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Dao	6.5	5.0	Đạt
26	CNTT3695	Đỗ Hải	Đảng	06/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
27	CNTT3696	Vì Văn	Điểm	13/06/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.2	5.5	Đạt
28	CNTT3697	Đặng Văn	Điền	27/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6.2	5.0	Đạt
29	CNTT3698	Đỗ Công	Định	07/03/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.0	5.5	Đạt
30	CNTT3699	Tô Văn	Đoàn	06/04/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.2	5.0	Đạt
31	CNTT3700	Trương Văn	Đoàn	21/11/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6.0	6.0	Đạt
32	CNTT3701	Đặng Hiếu	Đức	14/08/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	5.5	5.5	Đạt
33	CNTT3702	Trần Hoàng Anh	Đức	03/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
34	CNTT3703	Hoàng Thị	Giang	14/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6.2	6.0	Đạt
35	CNTT3704	Hoàng Văn	Giang	02/12/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	5.0	Đạt
36	CNTT3705	Ngọc Thị	Giang	04/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt
37	CNTT3706	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	7.0	5.0	Đạt
38	CNTT3707	Lương Thanh	Hảo	30/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.2	5.0	Đạt
39	CNTT3708	Đặng Văn	Hậu	08/09/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	6.0	5.5	Đạt
40	CNTT3709	Nông Đức	Hậu	14/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt
41	CNTT3710	Mà Thị	Hiền	19/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.5	5.0	Đạt
42	CNTT3711	Ngọc Thị	Hiền	23/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	5.0	Đạt
43	CNTT3712	Ban Văn	Hiệp	06/05/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.7	5.0	Đạt
44	CNTT3713	Hoàng Văn	Hiệp	13/09/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.5	5.0	Đạt
45	CNTT3714	Hoàng Anh	Hiếu	21/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	5.5	Đạt
46	CNTT3715	Ngọc Minh	Hiếu	10/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt
47	CNTT3716	Nguyễn Văn	Hiếu	01/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt
48	CNTT3717	Trần Trung	Hiếu	22/01/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.2	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
49	CNTT3718	Vi Văn	Hiếu	16/12/2002	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt
50	CNTT3719	Triệu Thị	Hoa	15/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6.2	5.5	Đạt
51	CNTT3720	Trần Văn	Hòa	05/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.5	5.0	Đạt
52	CNTT3721	Trần Văn	Hoan	11/03/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.0	5.5	Đạt
53	CNTT3722	Giáp Việt	Hoàng	20/03/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	6.0	Đạt
54	CNTT3723	Lương Xuân	Hoàng	12/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
55	CNTT3724	Trần Văn	Hồi	03/03/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	5.5	Đạt
56	CNTT3725	Đặng Thị	Hồng	12/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	7.0	5.0	Đạt
57	CNTT3726	Lộc Văn	Huân	12/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt
58	CNTT3727	Ngọc Thị	Huệ	07/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.0	5.0	Đạt
59	CNTT3728	Đường Phi	Hùng	10/05/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	5.5	5.5	Đạt
60	CNTT3729	Nguyễn Minh	Hùng	22/02/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt
61	CNTT3730	Nguyễn Văn	Hùng	30/03/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt
62	CNTT3731	Đàm Văn	Huy	30/04/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	6.0	Đạt
63	CNTT3732	Hà Quang	Huy	04/11/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt
64	CNTT3733	Thân Văn	Huy	13/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
65	CNTT3734	Từ Quốc	Huy	27/04/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6.0	5.0	Đạt
66	CNTT3735	La Thị	Kế	29/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	5.7	5.5	Đạt
67	CNTT3736	Lục Văn	Khang	24/08/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	5.0	Đạt
68	CNTT3737	Trần Văn	Khang	27/01/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	7.5	5.5	Đạt
69	CNTT3738	Nguyễn Duy	Khôi	15/10/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.7	5.0	Đạt
70	CNTT3739	Hoàng Văn	Khuông	25/10/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.5	5.0	Đạt
71	CNTT3740	Hoàng Trung	Kiên	13/06/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7.7	6.0	Đạt
72	CNTT3741	Hoàng Giang	Lam	22/04/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.5	5.5	Đạt
73	CNTT3742	Trần Thị	Lâm	03/06/2004	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6.2	5.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
74	CNTT3743	Vy Thị	Lịch	19/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	7.0	5.5	Đạt
75	CNTT3744	Lý Thị	Liên	06/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Dao	6.2	5.0	Đạt
76	CNTT3745	Hoàng Văn	Long	25/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.0	5.5	Đạt
77	CNTT3746	Lý Văn	Lợi	26/04/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.2	5.5	Đạt
78	CNTT3747	Đàm Văn	Luân	14/11/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.0	5.0	Đạt
79	CNTT3748	Hoàng Thị	Luận	13/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6.2	5.5	Đạt
80	CNTT3749	Chu Thanh	Lương	14/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	7.5	5.5	Đạt
81	CNTT3750	Nịnh Văn	Mạnh	02/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.2	5.5	Đạt
82	CNTT3751	Nguyễn Văn	Minh	15/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.0	Đạt
83	CNTT3752	Nông Văn	Minh	15/10/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt
84	CNTT3753	Phùng Văn	Minh	20/10/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	6.0	5.0	Đạt
85	CNTT3754	Đặng Thị	Múi	14/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6.2	5.5	Đạt
86	CNTT3755	Chu Văn	Nam	17/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.0	Đạt
87	CNTT3756	Hoàng Văn	Nam	12/02/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	5.0	Đạt
88	CNTT3757	Ngọc Tân	Nam	02/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
89	CNTT3758	Đặng Thị	Nảy	21/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Dao	6.5	5.0	Đạt
90	CNTT3759	Lục Thị	Nga	19/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	7.7	5.0	Đạt
91	CNTT3760	Ngọc Thị	Nga	15/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.0	Đạt
92	CNTT3761	Nịnh Thị	Nga	06/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	6.0	5.0	Đạt
93	CNTT3762	Kiều Thị	Ngát	20/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán diu	7.2	5.5	Đạt
94	CNTT3763	La Đức	Nghiêm	05/12/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt
95	CNTT3764	Ban Văn	Nghiệp	12/07/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	5.0	Đạt
96	CNTT3765	Trần Văn	Ngọc	04/09/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.5	5.5	Đạt
97	CNTT3766	Nguyễn Văn	Nhất	24/03/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt
98	CNTT3767	Hà Thị	Nhung	17/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Dao	7.2	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
99	CNTT3768	Lã Thị	Nhung	10/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.2	5.5	Đạt
100	CNTT3769	Hoàng Thanh	Phong	04/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	5.0	Đạt
101	CNTT3770	Ngô Văn	Phong	03/05/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.2	6.0	Đạt
102	CNTT3771	Hoàng Văn	Phùng	07/04/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.0	5.0	Đạt
103	CNTT3772	Đặng Hiếu	Phúc	29/06/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	6.7	5.0	Đạt
104	CNTT3773	Dương Minh	Phương	10/10/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt
105	CNTT3774	Đàm Duy	Quang	02/01/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	5.5	Đạt
106	CNTT3775	Nguyễn Phương	Quang	21/12/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.5	5.5	Đạt
107	CNTT3776	Nông Văn	Quân	01/08/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt
108	CNTT3777	Triệu Tiến	Quý	27/04/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	7.0	5.5	Đạt
109	CNTT3778	Nguyễn Minh	Quyền	15/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
110	CNTT3779	Đặng Văn	Quyết	14/04/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.0	5.0	Đạt
111	CNTT3780	Hà Thị	Sản	18/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6.7	5.0	Đạt
112	CNTT3781	Ngọc Đức	Sáng	17/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
113	CNTT3782	Hoàng Đình	Sâm	24/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	5.0	Đạt
114	CNTT3783	Trần Thị	Soan	21/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	6.7	5.5	Đạt
115	CNTT3784	Ngọc Trung	Son	16/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
116	CNTT3785	Lục Minh	Sự	05/01/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	7.7	5.0	Đạt
117	CNTT3786	Ngọc Văn	Thái	01/08/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt
118	CNTT3787	Đỗ Thị	Thanh	30/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	7.2	5.0	Đạt
119	CNTT3788	Triệu Thị	Thanh	23/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6.2	5.5	Đạt
120	CNTT3789	Hoàng Văn	Thành	09/08/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt
121	CNTT3790	Ngọc Nam	Thành	05/01/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.5	5.0	Đạt
122	CNTT3791	Nguyễn Văn	Thành	28/04/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt
123	CNTT3792	Đặng Thị	Thảo	17/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	7.5	5.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
124	CNTT3793	Dương Thị	Thảo	25/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.0	5.0	Đạt
125	CNTT3794	Lê Phương	Thảo	12/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6.2	5.5	Đạt
126	CNTT3795	Nguyễn Thị	Thảo	24/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.5	5.0	Đạt
127	CNTT3796	Nguyễn Mạnh	Thắng	27/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
128	CNTT3797	Triệu Tiến	Thắng	24/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	7.0	5.0	Đạt
129	CNTT3798	Vũ Đình	Thoại	29/07/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt
130	CNTT3799	Đặng Thị	Thu	23/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Dao	6.0	5.5	Đạt
131	CNTT3800	Tô Văn	Thuần	20/09/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt
132	CNTT3801	Nông Thị	Thúy	17/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
133	CNTT3802	Hoàng Văn	Thủy	15/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt
134	CNTT3803	Mông Thị Minh	Thư	29/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	7.5	5.0	Đạt
135	CNTT3804	Lý Văn	Thực	06/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.2	5.5	Đạt
136	CNTT3805	Đặng Văn	Thương	26/06/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	7.0	5.5	Đạt
137	CNTT3806	Lý Thị	Thương	30/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	6.2	5.0	Đạt
138	CNTT3807	Nông Công	Thương	19/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
139	CNTT3808	Hoàng Văn	Tiếp	18/03/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	5.5	Đạt
140	CNTT3809	Mễ Văn	Tính	22/08/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.5	5.0	Đạt
141	CNTT3810	Phan Đức	Toản	05/11/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.7	5.0	Đạt
142	CNTT3811	Trần Quốc	Toản	09/08/2003	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.5	5.5	Đạt
143	CNTT3812	Nguyễn Thị	Trang	11/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.7	5.0	Đạt
144	CNTT3813	Tăng Quốc	Triệu	09/09/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt
145	CNTT3814	Lê Đức	Trọng	07/11/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt
146	CNTT3815	Bùi Thị Thanh	Trúc	08/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7.2	5.0	Đạt
147	CNTT3816	Hoàng Văn	Trường	01/02/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6.2	5.5	Đạt
148	CNTT3817	Ngô Xuân	Trường	20/12/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
149	CNTT3818	Vi Quang	Trường	30/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
150	CNTT3819	Hoàng Anh	Tú	10/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6.0	5.0	Đạt
151	CNTT3820	Hà Văn	Tuấn	22/02/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.2	5.5	Đạt
152	CNTT3821	Ngọc Duy	Tùng	27/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
153	CNTT3822	Phùng Thanh	Tùng	27/08/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	7.0	5.0	Đạt
154	CNTT3823	Hoàng Văn	Tuyên	10/09/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt
155	CNTT3824	Nguyễn Kim	Tuyến	21/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.0	5.0	Đạt
156	CNTT3825	Nông Văn	Tuyến	13/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
157	CNTT3826	Nguyễn Quang	Tuyền	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.0	5.0	Đạt
158	CNTT3827	Ngọc Minh	Tuyền	28/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
159	CNTT3828	Dương Thị	Uyên	15/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	6.7	5.0	Đạt
160	CNTT3829	Nguyễn Văn	Dũng	01/01/1969	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	7.0	Đạt
161	CNTT3830	Tô Đình	Văn	10/08/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.0	5.0	Đạt
162	CNTT3831	Vi Đình	Văn	12/09/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt
163	CNTT3832	Vi Thảo	Vân	30/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.0	5.5	Đạt
164	CNTT3834	Phùng Văn	Vinh	02/03/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	6.5	5.5	Đạt
165	CNTT3835	Hà Thị	Xuân	15/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6.2	6.0	Đạt
166	CNTT3836	Lý Thị	Xuân	16/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chay	6.7	5.0	Đạt
167	CNTT3837	Lý Văn	Xuân	24/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6.5	5.5	Đạt
168	CNTT3838	Nông Mỹ	Xuân	28/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6.7	5.5	Đạt
169	CNTT3839	Trần Thanh	Xuân	23/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Chay	6.2	5.0	Đạt
170	CNTT3840	Ngọc Thị	Yến	02/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	Đạt
171	CNTT3841	Ngọc Thị Hồng	Yến	11/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	5.5	Đạt
172	CNTT3842	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	7.0	Đạt
173	CNTT3843	Nguyễn Thị	Chính	08/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
174	CNTT3844	Nguyễn Mạnh	Dương	18/06/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	7.0	Đạt
175	CNTT3845	Đỗ Thị	Hà	13/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.5	Đạt
176	CNTT3846	Đông Thị	Hiền	29/01/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	Đạt
177	CNTT3847	Lê Thị	Hoa	21/11/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.5	7.5	Đạt
178	CNTT3848	Nguyễn Đình	Hoài	14/08/1983	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.2	8.0	Đạt
179	CNTT3849	Nguyễn Ngọc	Linh	20/07/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	7.5	Đạt
180	CNTT3850	Phạm Đăng	Minh	08/06/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.5	7.5	Đạt
181	CNTT3851	Trần Thị Phương	Nga	21/11/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	Đạt
182	CNTT3852	Nguyễn Đức	Phúc	13/03/1993	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.5	7.5	Đạt
183	CNTT3853	Trần Thị	Trang	08/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	7.0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 183./.